

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HSST

Ngày 17-5-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Sang;

Ông Phan Văn Tiên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Long- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 04 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 05 năm 2018 đối với các bị cáo:

1). Lê Quang C1, sinh ngày 22/12/1987;

Nơi sinh: Xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn K, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Lê Quang C2 (đã chết); họ tên mẹ: Phạm Thị H1, sinh năm 1959; Họ tên vợ: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1990; có 02 con (Con lớn sinh năm 2009; con nhỏ sinh năm 2015). Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 27/01/2010, bị Tòa án nhân dân huyện T2 xử phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 24/8/2010, chấp hành xong toàn bộ bản án.

Danh chỉ bản số 1185 do Công an huyện T2 lập ngày 12/01/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2018 đến ngày 17/01/2018, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

2). Phạm Quang P1, sinh ngày 10/5/1976;

Nơi sinh: Xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T4, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Phạm Mạnh H2 (Tên gọi khác: Phạm Ngọc H2) (đã chết); họ tên mẹ: Đinh Thị M1 (đã chết); Họ tên vợ: Lê Thị N1, sinh năm 1978; có 02 con (Con lớn sinh năm 1998; con nhỏ sinh năm 2007). Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 1188 do Công an huyện T2 lập ngày 12/01/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2018 đến ngày 17/01/2018, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

3). Phạm Quốc T5, (Tên gọi khác: Phạm Văn T5), sinh ngày 27/01/1970;

Nơi sinh: Xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T4, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Phạm Văn K1 (đã chết); họ tên mẹ: Lê Thị T6, sinh năm 1932; Họ tên vợ: Phan Thị T7, sinh năm 1978; có 02 con (Con lớn sinh năm 1997; con nhỏ sinh năm 2003). Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 1190 do Công an huyện T2 lập ngày 18/01/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/01/2018 đến ngày 19/01/2018 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

4). Nguyễn Đức Đ1, sinh ngày 13/02/1994;

Nơi sinh: Xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T4, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Nguyễn Đức D1, sinh năm 1962; họ tên mẹ: Nguyễn Thị X1 sinh năm 1965; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 1187 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 12/01/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2018 đến ngày 17/01/2018 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

5). Lê Thành L1, sinh ngày 09/6/1992;

Nơi sinh: Xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T4, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Lê Văn K2, sinh năm 1964; họ tên mẹ: Nguyễn Thị X2, sinh năm 1973; họ tên vợ: Đàm Thị L2, sinh năm 1995; Chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 1186 do Công an huyện T2 lập ngày 12/01/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2018 đến ngày 17/01/2018 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

6). Lê Quang H1, sinh ngày 31/12/1991;

Nơi sinh: Xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Phường Y, thành phố H2, tỉnh Quảng Ninh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Lê Quang H3, sinh năm 1961; họ tên mẹ: Vũ Thị M1, sinh năm 1968; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 1184 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 12/01/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2018 đến ngày 19/01/2018 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Đức H4, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Thôn T4, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ ngày 11/01/2018, bị cáo Đ1 đến nhà bị cáo T5 hỏi nhờ địa điểm để đánh bạc thì được bị cáo T5 đồng ý. Sau đó, các bị cáo Đ1, bị cáo L1, C1, H1 đã tiến hành đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tại nhà bị cáo T5. Dụng cụ đánh bạc gồm: 01 bát, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị hình tròn bằng nhau, có một mặt đỏ, một mặt xanh. Những người tham gia đánh bạc gồm: 01 người cầm cái (gọi là nhà cái) và những người chơi bạc (gọi là con bạc); các con bạc phân định thắng thua với nhà cái bằng cách xác định “chẵn”, “lẻ”. Phương thức đánh bạc là nhà cái cho 4 quân vị vào đĩa, dùng bát úp kín rồi xóc lên, xóc xuống nhiều lần, đặt xuống chiếu. Các con bạc đặt tiền vào “cửa chẵn” hoặc “cửa lẻ” tùy ý; số tiền thắng thua của từng người bằng đúng số tiền đã đặt cược. Các bị cáo thỏa thuận: Mức đặt cược của mỗi người một ván thấp nhất là 50.000, đồng, mức cao nhất tùy theo nhà cái. Lúc đầu, có ba bị cáo C1, Đ1, L1 chơi bạc, bị cáo C1 cầm cái. Bị cáo H1 ngồi xem một lúc thì vào chơi một ván nhưng bị thua 100.000 đồng nên không chơi nữa. Các bị cáo đánh bạc được khoảng 20 phút thì bị cáo T5 đi đến yêu cầu không chơi nữa. Khi này, bị cáo C1, bị cáo Đ1 mỗi bị cáo đưa cho bị cáo T5 50.000 đồng và nói chơi vài ván nữa. Nhận tiền xong, bị cáo T5 đi ra để các bị cáo tiếp tục đánh bạc. Sau đó, còn có thêm hai người đến sau cũng tham gia đánh bạc là bị cáo P1 và Nguyễn Viết H5. Khi bị cáo C1 không chơi nữa thì bị cáo P1 cầm cái; còn bị cáo C1 ngồi xem cùng bị cáo H1. Hồi 16 giờ 15 cùng ngày, trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện T2 bắt quả tang, lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và số tiền trên chiếu bạc. Bị cáo T5 bỏ trốn, đến ngày 18/01/2018 ra đầu thú.

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện T2 lập hồi 16 giờ 15 ngày 11/01/2018; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Đức H4 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Các vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.898.000 đồng và các dụng cụ đánh bạc gồm 01 đĩa sứ, 03 mảnh vỡ của bát sứ, 04 quân vị. Cơ quan điều tra còn thu giữ từ bị cáo C1 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng; thu giữ từ bị cáo P1 01 điện thoại di động Iphone 4; thu giữ từ bị cáo T5 100.000 đồng; thu giữ từ bị cáo Đ1 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng; thu giữ từ bị cáo L1 01 điện thoại di động SAMSUNG màu đen, 01 điện thoại di động NOKIA; thu giữ từ bị cáo H1 số tiền 74.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 5S màu vàng, 01 điện thoại di động NOKIA màu đen và 01 ví màu đen.

Tại phiên tòa, các bị cáo C1, P1, T5, Đ1, L1, H1 đều trình bày: Chiều ngày 11/01/2018, tại nhà bị cáo T5, các bị cáo đã đánh bạc với hình thức xóc đĩa sau khi được bị cáo T5 đồng ý; bị cáo Đ1 là người chuẩn bị dụng cụ. Lúc đầu, có bị cáo C1, bị cáo Đ1, bị cáo L1, bị cáo H1 tham gia đánh bạc; những người đến sau cũng tham gia đánh bạc bị cáo P1 và Nguyễn Viết H5. Người cầm cái lúc đầu là bị cáo C1; sau đó là bị cáo P1. Phương thức chơi bạc là người chơi đặt cửa chẵn

hoặc cửa lẻ, mức đặt cửa thấp nhất là 50.000,đồng; nhà cái là người xóc đĩa, mở bát, thu tiền của người thua, trả tiền cho người thắng, được hưởng hoặc phải bù phần chênh lệch. Số tiền các bị cáo đem đến để đánh bạc là: Bị cáo P1: 2.000.000,đồng; bị cáo C1: 700.000,đồng; bị cáo Đ1: 1.100.000,đồng; bị cáo L1: 300.000,đồng; bị cáo H1: 100.000,đồng (bị cáo H1 chỉ chơi một ván thua 100.000đồng nên thôi không chơi nữa). Bị cáo T5 đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, thu được 100.000đồng nhưng không tham gia đánh bạc. Hồi 16 giờ 15 ngày 11/01/2018, trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện T2 bắt quả tang; thu giữ trên chiếu bạc 7.898.000,đồng và các vật chứng là dụng cụ đánh bạc: 04 quân vị, 01 đĩa sứ và 03 mảnh vỡ của bát sứ. Các tài sản thu giữ theo các biên bản quản lý đồ vật là các tài sản của các bị cáo, không sử dụng vào đánh bạc.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKSTT ngày 02/04/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo C1, P1, T5, Đ1, L1, H1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo; Kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố các bị cáo C1, P1, T5, Đ1, L1, H1 phạm tội “Đánh bạc”.

-Đề nghị áp dụng:

+Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo C1 từ 08 (Tám) tháng đến 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng đến 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng;

+Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P1 từ 08 (Tám) tháng đến 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng đến 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng;

+Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ1 từ 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng;

+Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T5 từ 04 (Bốn) tháng đến dưới 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (Một) năm;

+Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L1 từ 04 (Bốn) tháng đến dưới 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (Một) năm;

+Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H1 từ 04 (Bốn) tháng đến dưới 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (Một) năm;

-Hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) đối với tất cả các bị cáo;

-Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b, khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.898.000đồng thu giữ trên chiếu bạc; 100.000,đồng thu giữ từ bị cáo T5. Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sừ; 01 bát sừ (đã vỡ làm 3 mảnh); 04 quân vị. Trả lại các bị cáo 08 chiếc điện thoại di động, 01 ví da, 74.000đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2].Về hành vi và tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

-Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều trình bày: Buổi chiều 11/01/2018, các bị cáo C1, P1, Đ1, L1, H1 đã thực hiện hành vi đánh bạc tại nhà ở của bị cáo T5. Bị cáo T5 đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, thu 100.000đồng. Phù hợp và được chứng minh bằng Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tiếp nhận người phạm tội là bị cáo T5 ra đầu thú; Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 30 phút đến 16 giờ 15 ngày 11/01/2018, tại nhà ở của bị cáo T5, các bị cáo C1, P1, Đ1, L1, H1 đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Bị cáo T5 phạm tội với vai trò đồng phạm. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội, đã cấu thành tội: “Đánh bạc”; tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy quyết định truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3].Về vai trò các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ. Trong đó:

-Các bị cáo C1, P1, T5, Đ1, L1, H1 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo đều “*thành khẩn khai báo*”, tại phiên tòa đều “*ăn năn hối cải*” nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Các bị cáo P1, T5, Đ1, L1, H1 đều “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Các bị cáo P1, T5 có bố là người có công với Cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo T5 đầu thú, có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo Đ1 có thời gian tham gia Quân đội nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo C1, bị cáo P1 là những người cầm cái, bị cáo P1 tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất. Vì vậy, bị cáo P1, bị cáo C1 là những người thực hành tích cực nhất, phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo P1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo C1 nên chịu hình phạt thấp hơn.

-Bị cáo T5 tuy đã yêu cầu các bị cáo chấm dứt đánh bạc nhưng khi nhận được 100.000đồng thì vẫn để cho các bị cáo tiếp tục đánh bạc, vì vậy đã phạm tội đánh bạc với vai trò đồng phạm; phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng thấp hơn bị cáo C1, bị cáo P1; cao hơn các bị cáo khác.

-Các bị cáo Đ1, L1, H1 chỉ tham gia với vai trò là các con bạc nên giữ vai trò thấp hơn các bị cáo P1, C1, T5; trong đó bị cáo Đ1 là người chuẩn bị dụng cụ, tham gia với số tiền lớn hơn bị cáo L1, bị cáo H1 nên phải chịu trách nhiệm cao hơn. Bị cáo L1, bị cáo H1 giữ vai trò ngang nhau và thấp nhất trong vụ án.

Các bị cáo P1, T5, Đ1, L1, H1 chưa bị kết án; bị cáo C1 đã được đương nhiên xóa án tích nhiều năm. Các bị cáo đều chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; đều không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo đối với các bị cáo P1, C1, T5; áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Đ1, L1, H1; thời gian các bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

-Hình phạt bổ sung: Do không áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với tất cả các bị cáo theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 32; Khoản 3 Điều 321; Khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T5 có hoàn cảnh rất khó khăn, bản thân bị cáo là người không biết chữ, sức khỏe yếu, mẹ bị cáo bị liệt, gia đình bị cáo có đơn được chính quyền địa phương xác nhận nên xét giảm một phần.

[4]. Về các vấn đề khác của vụ án: Tham gia đánh bạc còn có Nguyễn Viết H5- là thương binh và có sở điều trị tâm thần. Trong quá trình tố tụng, do

sức khỏe yếu nên Nguyễn Viết H5 đang được điều trị bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình; việc giám định tâm thần chưa thực hiện được. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã có quyết định tách ra.

[5].Về vật chứng, tài sản tạm giữ: Vật chứng vụ án, các tài sản thu giữ đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản quản lý vật chứng ngày 04/04/2018 gồm có:

+01 chiếc đĩa sứ; 03 mảnh bát sứ vỡ, 04 quân bài vị; là công cụ phạm tội; cần áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy

+Số tiền thu giữ gồm: 7.898.000,đồng thu trên chiếu bạc; 100.000,đồng thu từ bị cáo T5. Cần áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

-Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã giữ từ bị cáo C1: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng; thu giữ từ bị cáo P1: 01 điện thoại di động Iphone 4; thu giữ từ bị cáo T5: 100.000đồng; thu giữ từ bị cáo Đ1: 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng; thu giữ từ bị cáo L1: 01 điện thoại di động SAMSUNG màu đen, 01 điện thoại di động NOKIA; thu giữ từ bị cáo H1 số tiền 74.000đồng, 01 điện thoại di động Iphone 5S màu vàng, 01 điện thoại di động NOKIA màu đen và 01 ví màu đen. Đây là tài sản tạm giữ của các bị cáo mà không phải vật chứng của vụ án nên cần áp dụng khoản 1, Điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại các bị cáo.

[6].Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Quang C1, bị cáo Phạm Quang P1, bị cáo Phạm Quốc T5 (Tên gọi khác: Phạm Văn T5), bị cáo Nguyễn Đức Đ1, bị cáo Lê Thành L1, bị cáo Lê Quang H1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Xử phạt:

2.1). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Lê Quang C1: 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17 tháng 05 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 15.000.000,đồng (Mười lăm triệu đồng) đối với bị cáo C1.

2.2). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Phạm Quang P1: 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17 tháng 05 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 15.000.000,đồng (Mười lăm triệu đồng) đối với bị cáo P1.

2.3). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Phạm Quốc T5 (Tên gọi khác: Phạm Văn T5) 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17 tháng 05 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 8.000.000,đồng (Tám triệu đồng) đối với bị cáo T5.

2.4). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ1, 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ; được trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ; còn phải thi hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập mỗi tháng 300.000đồng để sung quỹ nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 12.000.000,đồng (Mười hai triệu đồng) đối với bị cáo Đ1.

2.5). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Lê Thành L1: 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ; còn phải thi hành 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập mỗi tháng 300.000đồng để sung quỹ nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục. Gia

đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000,đồng (Mười triệu đồng) đối với bị cáo L1.

2.6). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Lê Quang H1: 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 08 (Tám) ngày tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ; còn phải thi hành 08 (Tám) tháng 06 (Sáu) ngày cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập mỗi tháng 300.000đồng để sung quỹ nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000,đồng (Mười triệu đồng) đối với bị cáo H1.

2.7). Trường hợp người được hưởng án treo (các bị cáo C1, P1, T5) thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện T2, tỉnh Thái Bình thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện T2, tỉnh Thái Bình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm a Khoản 2, Điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các vật chứng hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 04 năm 2018 được xử lý như sau:

-Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc đĩa sù; 01 bát sù đã vỡ, 04 quân bài vị;

-Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 7.898.000,đồng thu giữ trên chiếu bạc.

-Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 100.000,đồng từ bị cáo T5.

-Trả lại cho bị cáo C1 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng;

-Trả lại bị cáo P1: 01 điện thoại di động Iphone 4;

-Trả lại cho bị cáo Đ1: 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng;

-Trả lại cho bị cáo L1: 01 điện thoại di động SAMSUNG màu đen, 01 điện thoại di động NOKIA.

-Trả lại cho bị cáo H1 số tiền 74.000đồng, 01 ví màu đen, 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, 01 điện thoại di động NOKIA màu đen.

4. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1, Điều 21; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo C1, P1, T5, Đ1, L1, H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tòng